



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông

Ngày 30/09/2025	6,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	15.1%	13.0%	13.0%

DT thuần Q3/25
8.68
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.72 -23.8%
YoY: ▼2.12 -19.6%

LN thuần Q3/25
2.88
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.97 216%
YoY: ▲ 0.66 29.5%

LN sau thuế Q3/25
2.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.92 505%
YoY: ▲ 0.10 4.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
33.1%
YoY: +/-▲ 25.1%

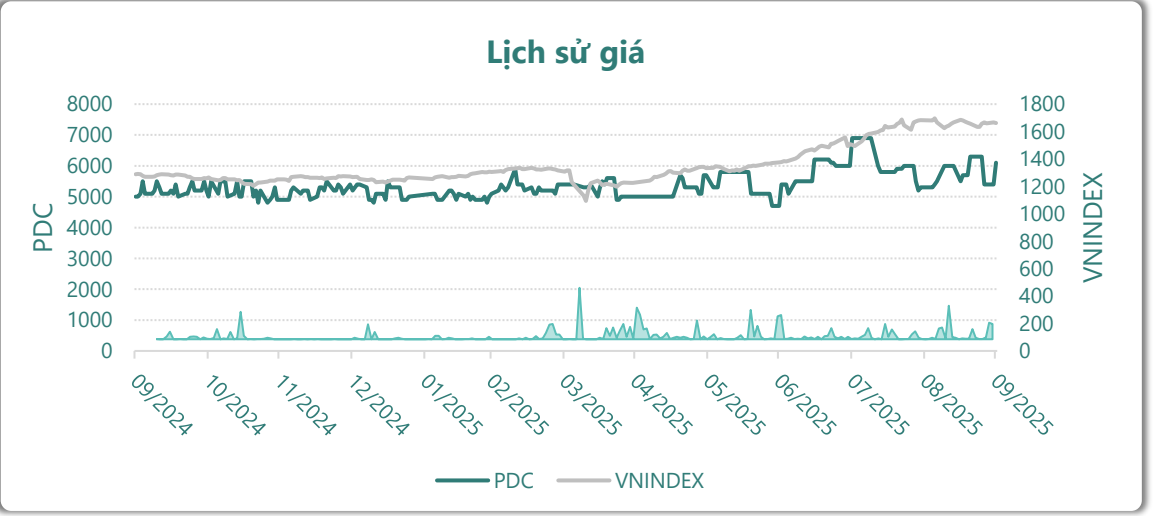
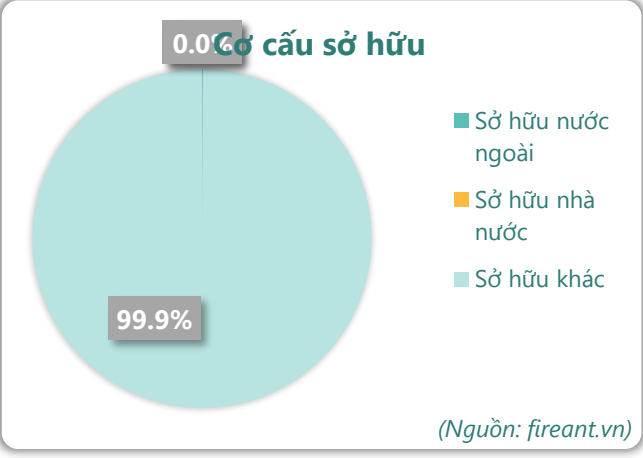
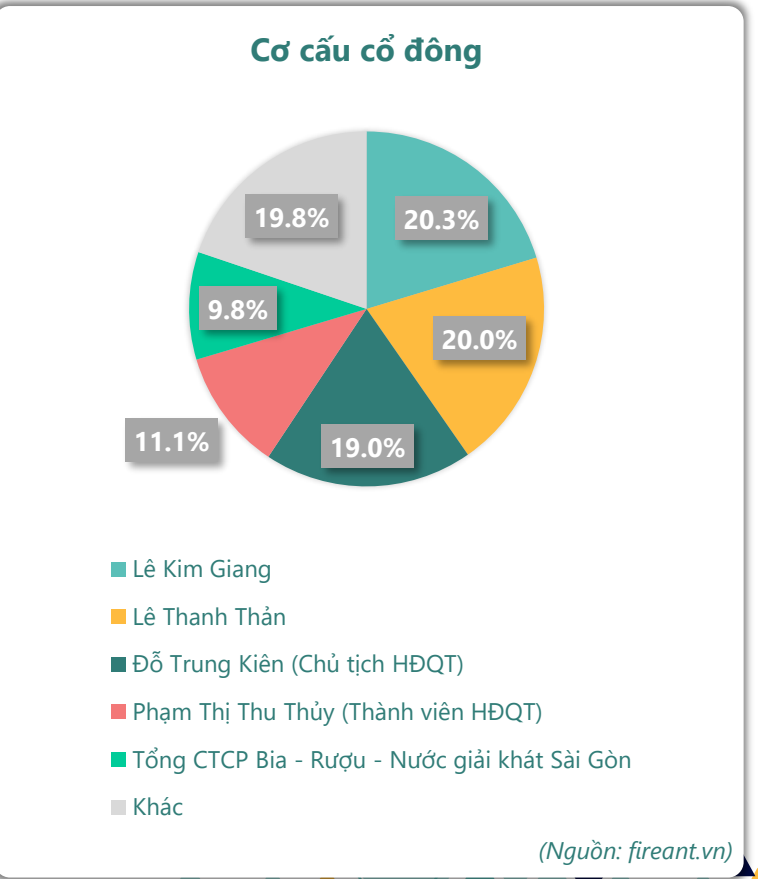
ROE (TTM) Q3/25
2.2%
YoY: +/-▲ 0.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,700 - 6,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	92
Số lượng CPLH (CP)	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	685
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.08
EPS	218
P/E	28.0

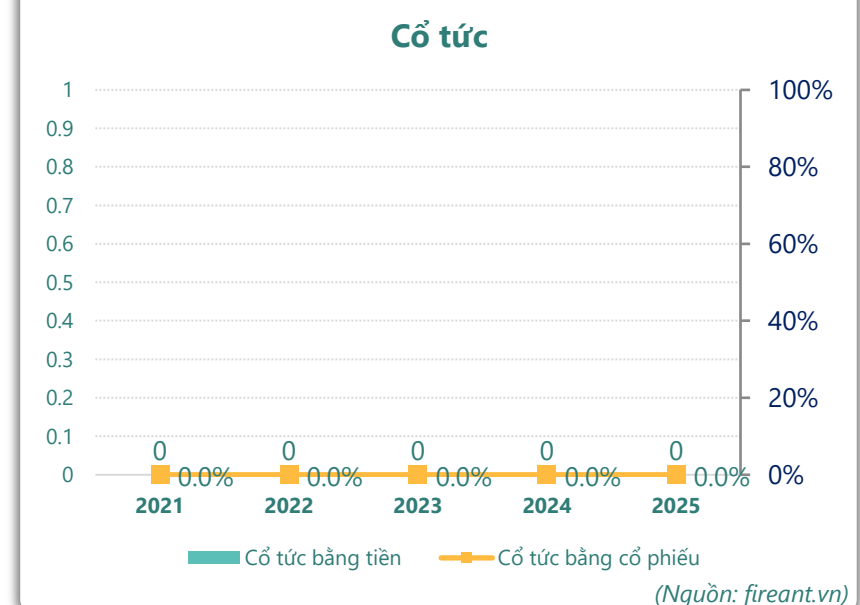
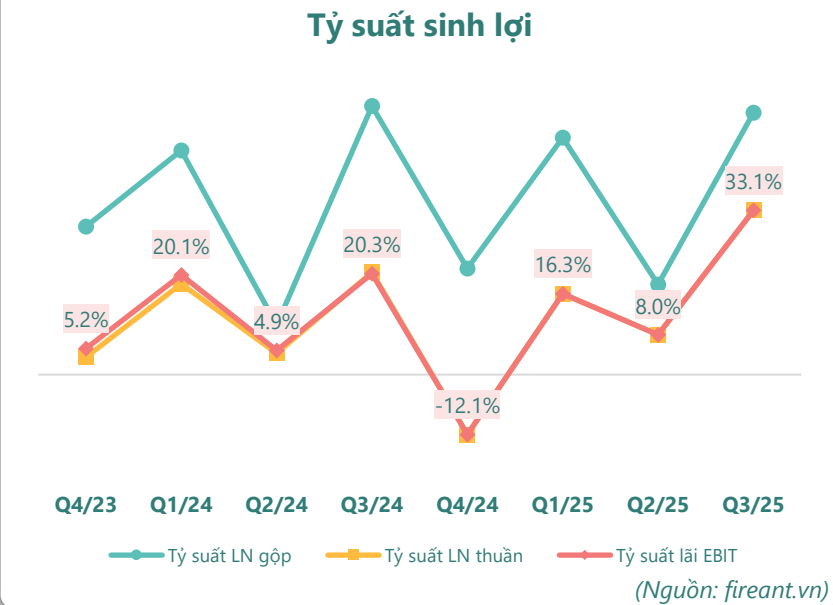
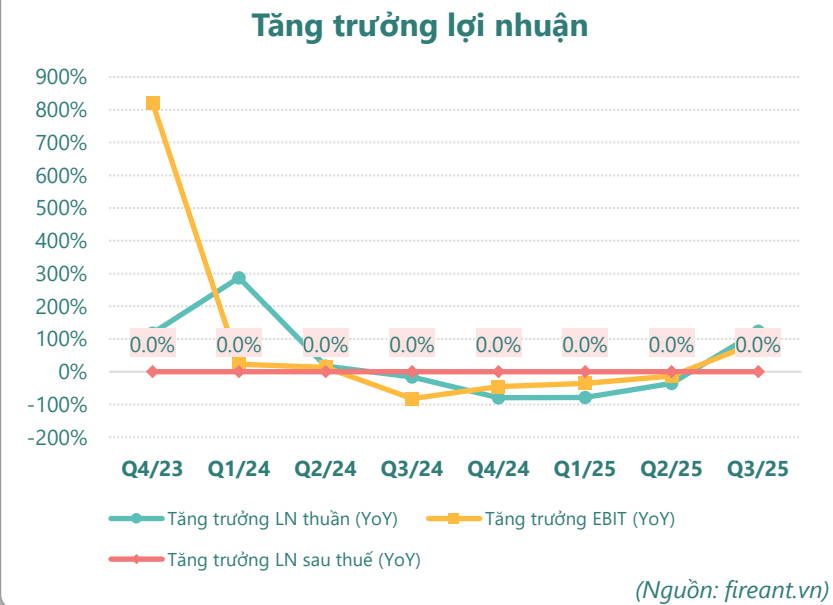
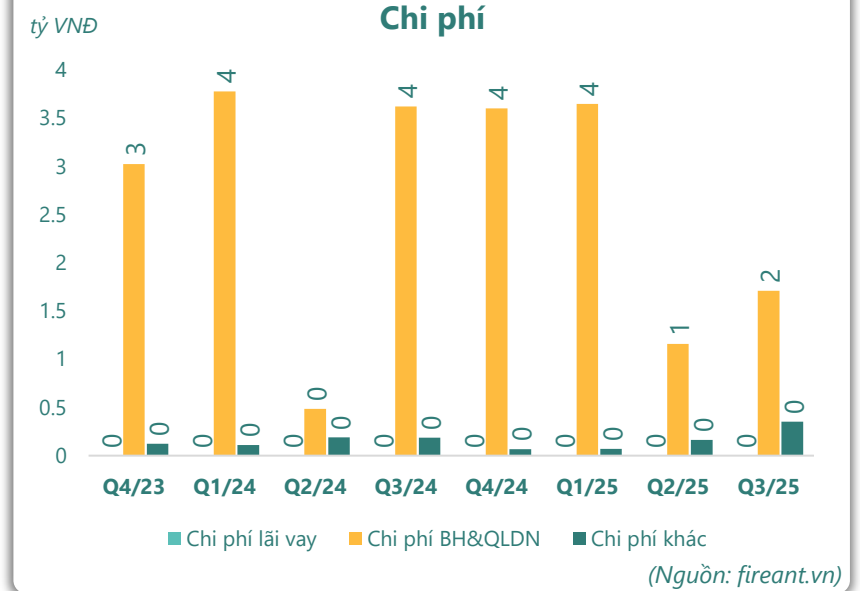
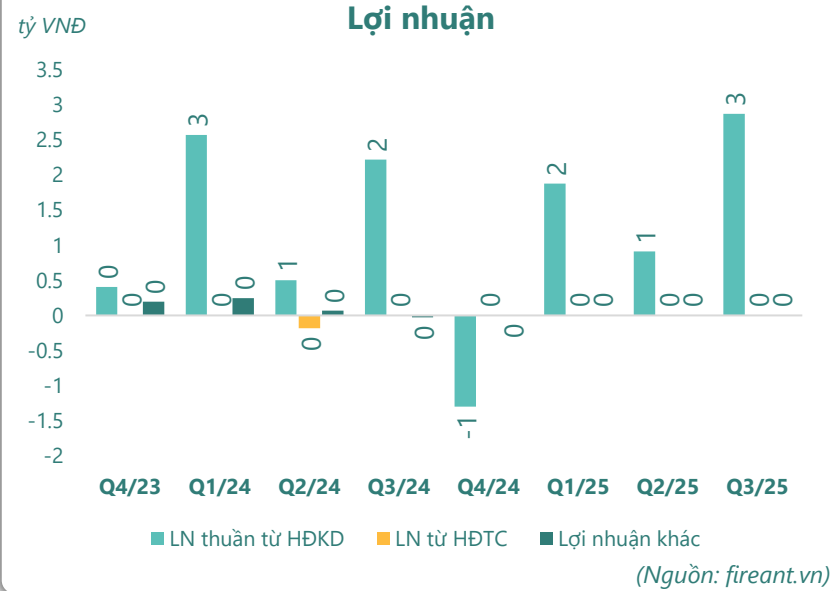
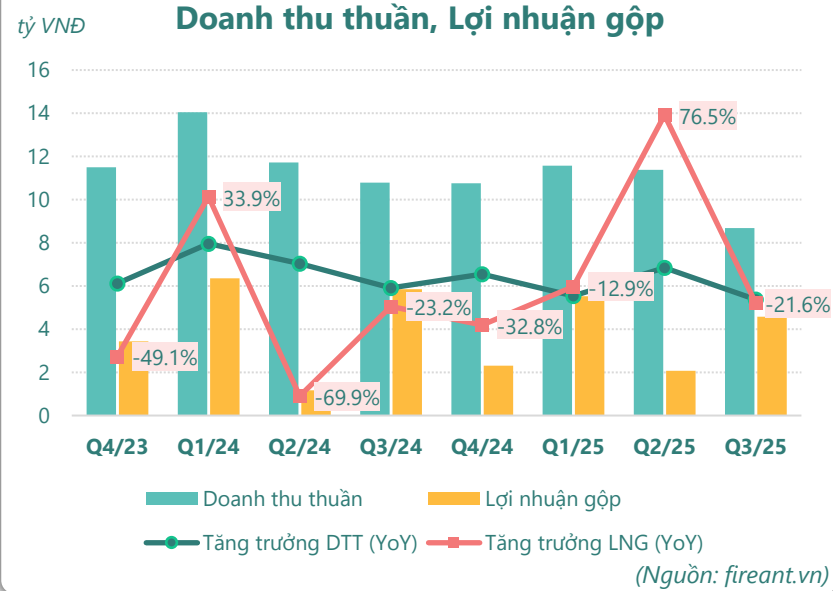
DT thuần 9T 2025
31.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.00 -13.5%

LN thuần 9T 2025
5.67
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.37 7.0%

LN sau thuế 9T 2025
4.56
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.03 -18.3%



KẾT QUẢ KINH DOANH

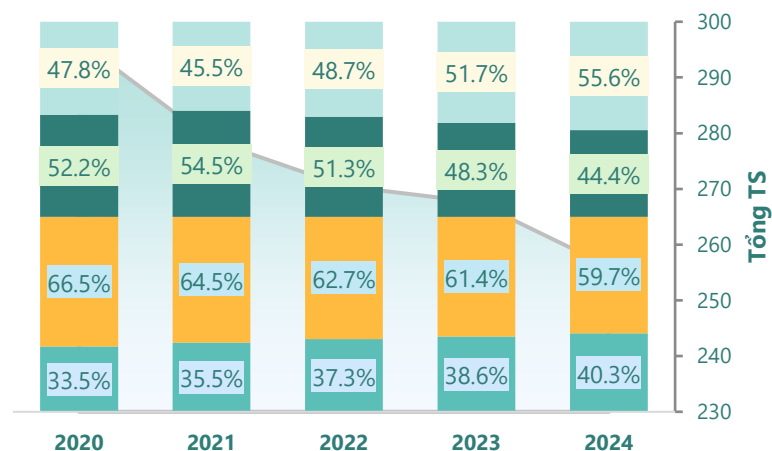




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

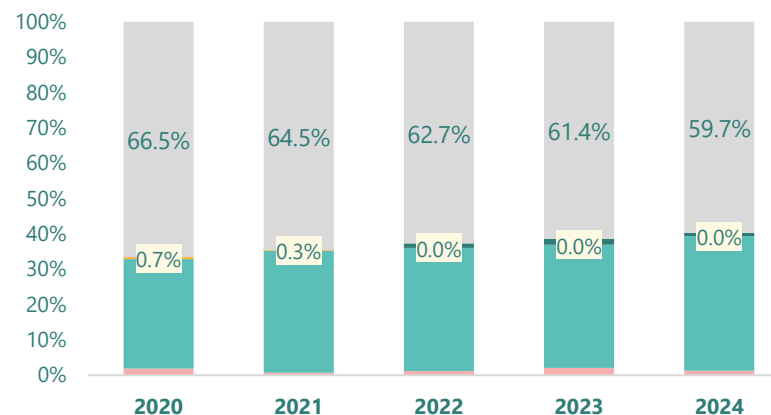
tỷ VNĐ



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

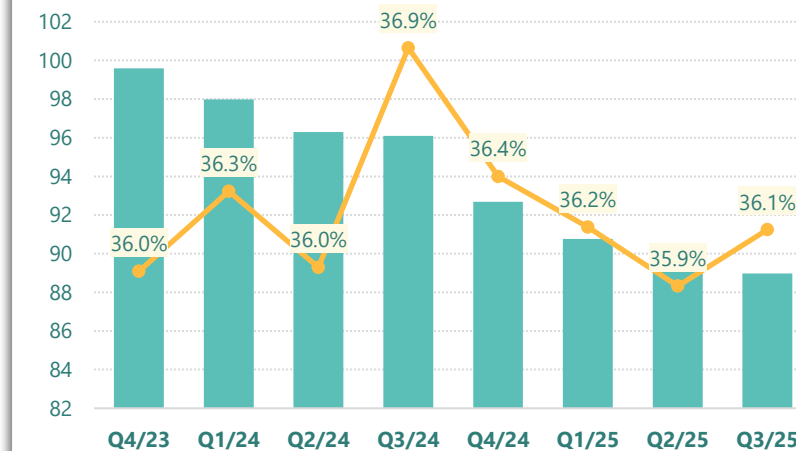


Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

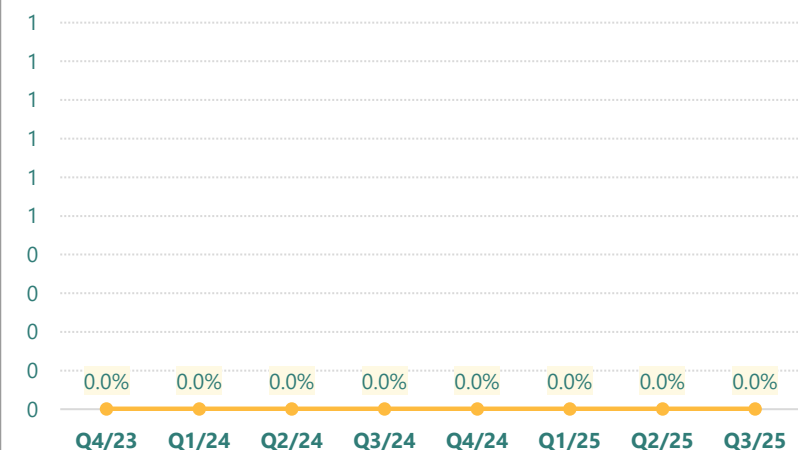


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

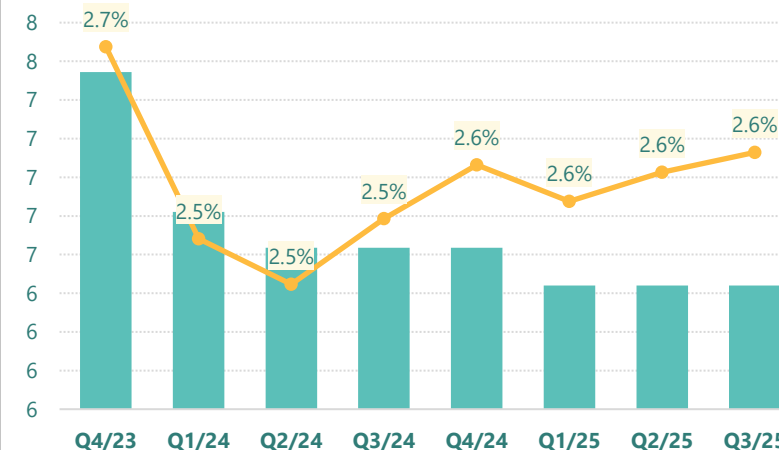


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

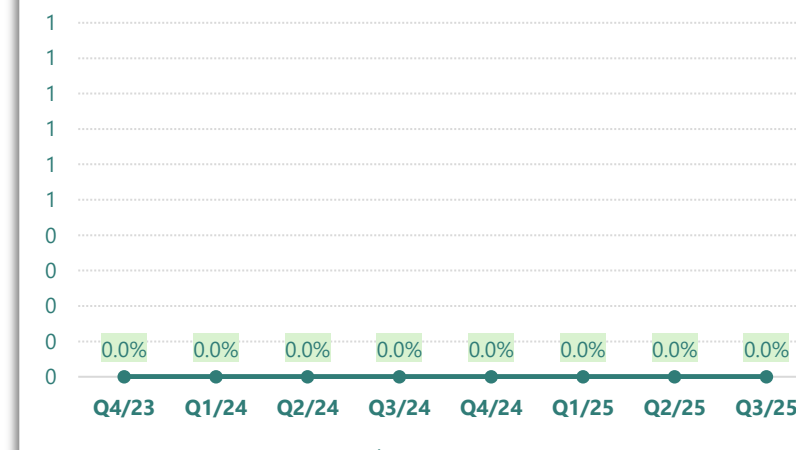


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



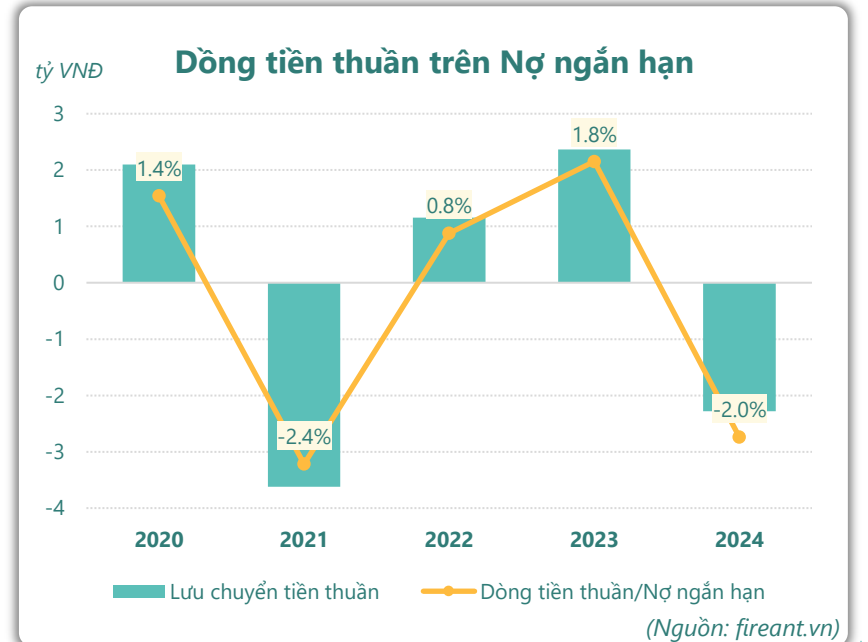
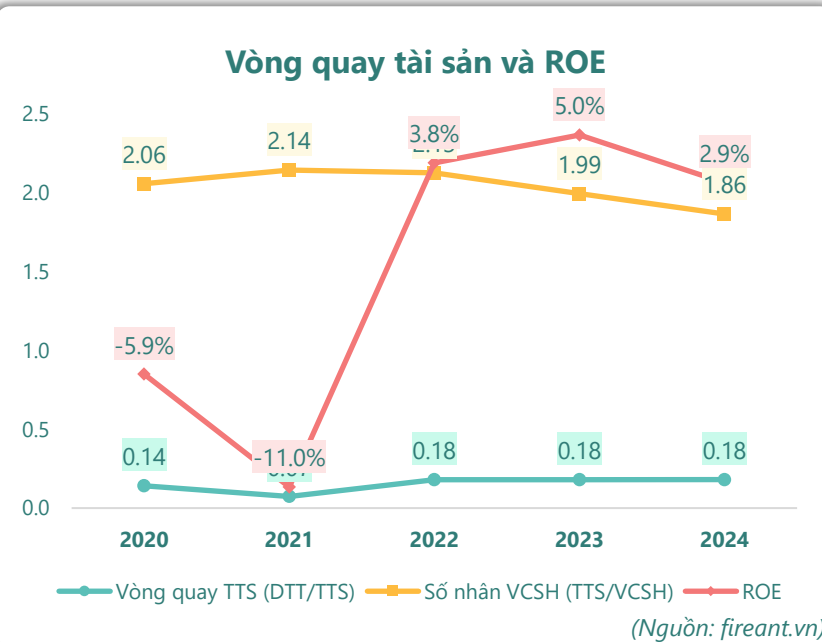
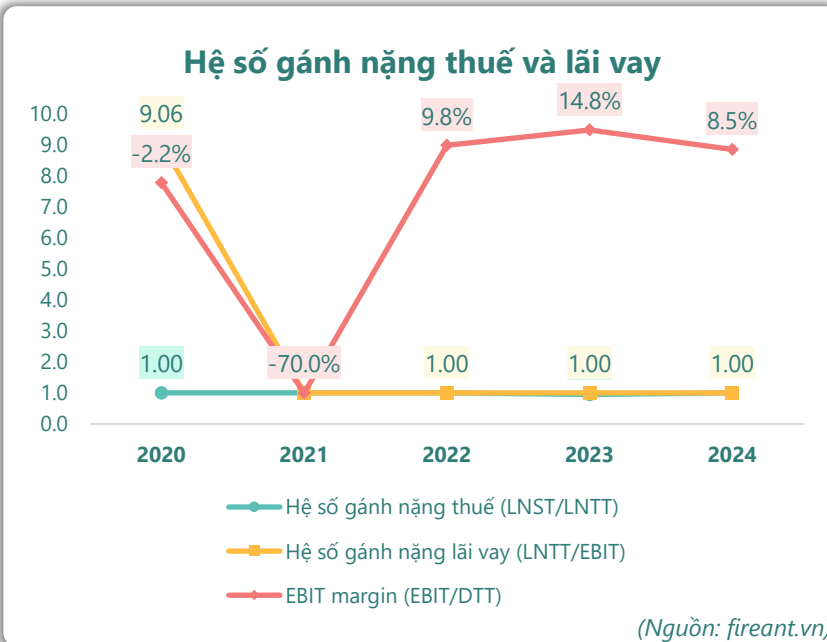
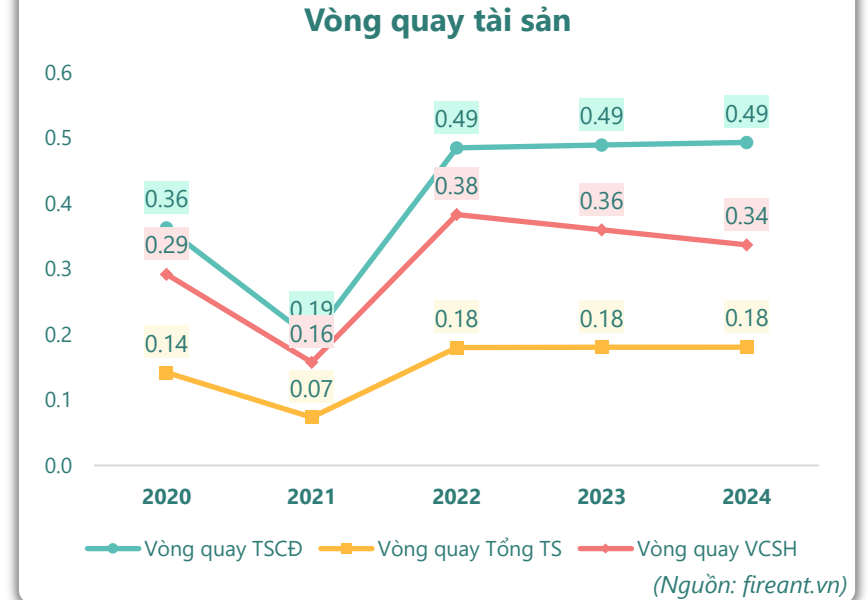
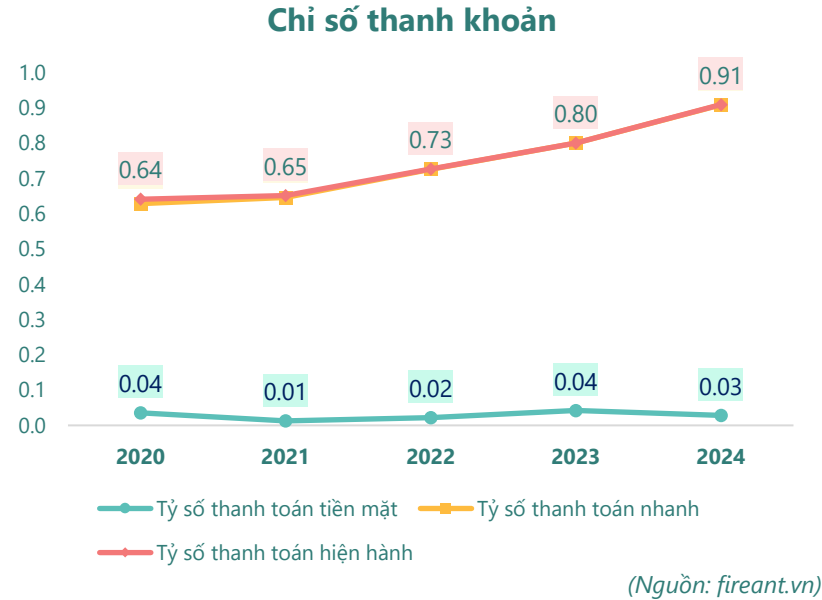
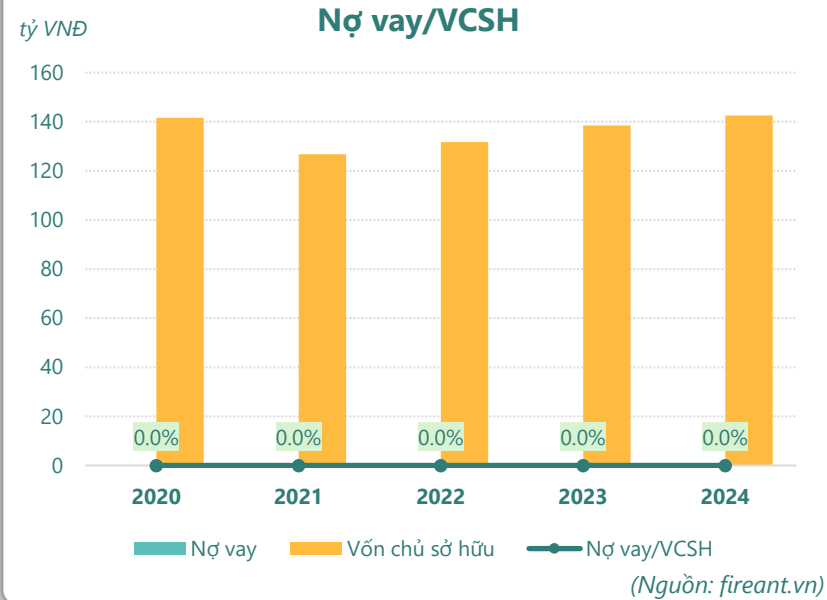
Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	8.68	10.8	-19.6%	31.6	36.6	-13.5%
Giá vốn hàng bán	4.10	4.95	-17.2%	19.4	23.2	-16.2%
Lợi nhuận gộp	4.58	5.84	-21.5%	12.2	13.4	-8.8%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.01	-59.0%
Chi phí TC	0	0.00		0	0.19	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.12	0.15	-17.0%	0.41	0.54	-23.6%
Chi phí QLDN	1.59	3.47	-54.3%	6.11	7.35	-16.9%
LN thuần từ HĐKD	2.88	2.22	29.5%	5.67	5.30	7.0%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.03	100%	0.01	0.29	-98.2%
LN trước thuế	2.88	2.20	30.7%	5.67	5.59	1.6%
Lợi nhuận sau thuế	2.30	2.20	4.5%	4.56	5.59	-18.3%
LNST của CĐ cty mẹ	2.30	2.20	4.5%	4.56	5.59	-18.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.90	-0.71	0.04	0	-1.18	-0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.04	1.29	0	0	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	7.43	2.57	3.14	0	3.26	2.08
Lưu chuyển tiền thuần	-4.86	0.58	0.04	0	-1.18	-0.06
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.57	3.14	3.18	0	2.08	2.02

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	246	256	-3.9%
Tài sản ngắn hạn	101	103	-2.0%
Tiền và tương đương tiền	2.02	3.18	-36.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	98.2	97.6	0.5%
Hàng tồn kho	0.06	0.09	-30.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.91	2.28	-60.1%
Tài sản dài hạn	145	153	-5.1%
Phải thu dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Tài sản cố định	89.0	92.6	-3.9%
Bất động sản đầu tư	41.7	44.1	-5.3%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	6.44	6.44	0.0%
Tài sản dài hạn khác	7.91	9.80	-19.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	99.2	114	-12.7%
Nợ ngắn hạn	99.1	113	-12.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	96.1	109	-11.7%
Nợ dài hạn	0.16	0.16	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	147	142	3.2%
Vốn chủ sở hữu	147	142	3.2%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

